

Số: 38 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 4 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 2330
ĐẾN	Ngày: 10/4/15
	Chuyên:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

A. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường và Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XI ban hành Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi (thay thế Quyết định số 42/2009/QĐ-UBND ngày 28/8/2009 của UBND tỉnh).

Ngày 16/6/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường; Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường. Tại Nghị định này, Chính phủ có bổ sung về phạm vi điều chỉnh (giám định tư pháp); sửa đổi, bổ sung quy định về cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất, cho thuê đất, miễn giảm tiền thuê đất trong đô thị; xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và chuyển nhượng dự án xã hội hoá. Do vậy, dẫn đến một số nội dung quy định về chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh không

còn phù hợp. Để phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và thực tiễn ở địa phương; đồng thời thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ tại Kết luận số 418-KT/TU ngày 16/4/2014 thì việc ban hành Nghị quyết để thay thế Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi là hết sức cần thiết bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành.

B. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT

1. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan và địa phương nghiên cứu tham mưu việc xây dựng Dự thảo Nghị quyết để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành.

2. UBND tỉnh đã họp thảo luận cho ý kiến về tính pháp lý, nội dung, hình thức, kỹ thuật trình bày, sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết do Sở Tư pháp tham mưu; nội dung Dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường, giám định tư pháp và các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện nay của địa phương.

C. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

I. Căn cứ pháp lý ban hành

Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao;

Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các

hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

II. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều, với những nội dung chính sau:

1. Quy định về phạm vi, đối tượng, điều kiện và nguyên tắc áp dụng (Khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết):

Về cơ bản giữ nguyên như Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên:

- Về đối tượng áp dụng bổ sung thêm lĩnh vực giám định tư pháp theo quy định tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ.

- Về điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với lĩnh vực giám định tư pháp hiện nay chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn. Vì vậy, đối với lĩnh vực này điều kiện được hưởng ưu đãi được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo hướng dẫn của Trung ương.

2. Nội dung một số chính sách

a) Về chính sách cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất (điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết):

- Theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính thì có nhiều thay đổi lớn so với quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa và theo nguyên tắc: Giá thuê được xác định phù hợp với mức giá thuê phổ biến trên thị trường có tính đến yếu tố khuyến khích của tỉnh tại thời điểm ký hợp đồng thuê nhưng phải bảo đảm việc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản thuê. Chuyển từ hình thức thuê đất dài hạn với giá ưu đãi sang hình thức cho thuê có thời hạn, nhưng không quy định có thời hạn là bao nhiêu.

+ Bỏ quy định hỗ trợ lãi vay đối với cơ quan, đơn vị kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng.

+ Quy định bổ sung về trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để có nguồn vốn thực hiện việc đầu tư xây dựng và trường hợp góp vốn liên doanh, liên kết để thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa

- Nội dung cơ bản của chính sách cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất như sau:

+ Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa.

+ Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách, nhu cầu khuyến khích xã hội hóa và quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, UBND tỉnh xem xét, quyết định việc xây dựng mới một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa hoặc sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có thuộc phạm vi quản lý để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn.

+ Thời gian cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa do UBND tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu không dưới 10 năm. Hết thời hạn này, nếu các cơ sở thực hiện xã hội hóa còn có nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thì được ưu tiên tiếp tục gia hạn thuê, thời gian của một đợt gia hạn tối thiểu không dưới 05 năm.

b) Hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết):

+ Theo Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính đã bỏ nội dung quy định về hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ thì giao cho HĐND tỉnh quyết định cơ chế, mức hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa. Căn cứ quy định nêu trên, trên cơ sở kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, mức hỗ trợ có sự điều chỉnh tăng thêm khoảng 20% so với Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh và có phân chia cụ thể hơn theo địa bàn ưu đãi, đồng thời bổ sung thêm đối tượng được hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các trường hợp không nằm trong các dự án, khu đô thị mới cho phù hợp với thực tế, cụ thể mức hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ 40% kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng phải nộp đối với địa bàn các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi

- Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng phải nộp đối với địa bàn các xã thuộc thành phố Quảng Ngãi và thị trấn các huyện đồng bằng

- Hỗ trợ 55% kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng phải nộp đối với địa bàn thị trấn các huyện miền núi

- Hỗ trợ 70% kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng phải nộp đối với địa bàn các xã thuộc huyện đồng bằng

- Hỗ trợ 75% kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng phải nộp đối với địa bàn các xã thuộc huyện miền núi và huyện Lý Sơn.

+ Trường hợp dự án xã hội hoá vừa đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định tại tiết a hoặc tiết b điểm này, vừa đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì cơ sở thực

hiện xã hội hóa chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng quy định tại Nghị quyết này.

+ Phương thức hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng do UBND tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể đảm bảo phù hợp với từng địa bàn.

c) Chính sách cho thuê đất (điểm 2.3 khoản 2 của dự thảo Nghị quyết): thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính

d) Chính sách ưu đãi về tín dụng:

Gửi nguyên như Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường, lệ phí trước bạ thực hiện theo quy định pháp luật về thuế có liên quan.

e) Các vấn đề về chính sách huy động vốn, xử lý tài sản trên đất khi chuyển đổi các hình thức hoạt động, nguồn thu, phân phối kết quả tài chính và trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.

g) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được nhà nước giao đất, cho thuê đất đủ điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và đã ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư dự án xã hội hóa theo phương án bồi thường được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (trước ngày 01/8/2014) nhưng chưa được hoàn trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được hoàn trả theo quy định trước đây của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 10/2009/NQ-HĐND ngày 24/7/2009 và Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

3. Tổ chức thực hiện

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quy định cụ thể trình tự, thủ tục để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết.

b) Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, giao UBND tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương và Danh mục, lĩnh vực, địa bàn ưu đãi xã hội hóa để ban hành mức miễn, giảm tiền thuê đất theo từng lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa sau khi xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

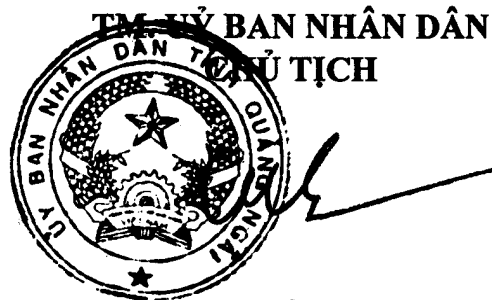
c) Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Tiếp thu ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh bổ sung hoàn chỉnh và kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua (kèm theo dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh)

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Văn hóa – Xã hội, HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, GD, ĐT, Y tế, Tư pháp, LĐTĐ, XH, VHVT, DL Nội vụ;
- VPUB; CVP, PCVP, phòng nghiên cứu, CBTH;
- Lưu VT, KTTHtd45



Lê Viết Chữ